

Số:561/TTH-TM

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty!

Căn cứ Quyết định số: 558/QĐ-TTH ngày 15/8/2024 của Giám đốc Công ty kinh doanh than Thanh Hóa về việc phê duyệt Bản yêu cầu Báo giá gói thầu: Mua bột để che than của Công ty KD than Thanh Hóa (lần 1 năm 2024)

Công ty kinh doanh than Thanh Hóa tổ chức chào giá, gói mua sắm hàng hóa: Mua bột để che than của Công ty KD than Thanh Hóa (lần 1 năm 2024)

Xin mời quý Công ty tham dự chào giá gói mua sắm hàng hóa (nộp Báo giá). Nội dung được nêu trong Bản yêu cầu Báo giá gồm các nội dung như sau:

Chương I: Yêu cầu nộp chào giá.

Chương II: Phạm vi cung cấp, yêu cầu kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá.

Chương III: Biểu mẫu.

Biểu mẫu số 01: Đơn chào giá.

Biểu mẫu số 02a: Bảng tổng hợp giá chào.

Biểu mẫu số 02b: Bảng giá chào của hàng hóa.

Biểu mẫu số 03: Cam kết thực hiện gói mua sắm hàng hóa.

Chương IV: Dự thảo hợp đồng.

(Nội dung bản yêu cầu chào giá gồm 18 trang gửi kèm theo văn bản này)

Hết thời gian quy định Công ty kinh doanh than Thanh Hóa sẽ tổ chức đánh giá các bản Báo giá, Bản Báo giá nào đáp ứng tất cả các nội dung yêu cầu và có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất và không vượt giá gói mua sắm/Giá gói thầu của Công ty kinh doanh than Thanh Hóa, sẽ được đề nghị lựa chọn và thông báo kết quả cho nhà cung cấp tham gia Báo giá.

Rất mong nhận được sự hợp tác của quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu P.KHKD.



Q. GIÁM ĐỐC

Đỗ Cao Quảng

CÔNG TY CP KINH DOANH THAN MIỀN BẮC- VINACOMIN
CÔNG TY KINH DOANH THAN THANH HÓA

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Gói thầu: Mua bột để che than của Công ty KD than Thanh Hóa
(lần 1 năm 2024).**

THANH HÓA-THÁNG 08/2024

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

Chủ đầu tư/bên mời chào giá	Chủ đầu tư đối với gói mua sắm hàng hóa thuộc dự toán mua sắm mua sắm thường xuyên phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu
Dự toán	Dự toán chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh
Quy chế mua sắm	Áp dụng theo Quyết định số 1369/QĐ-TMB ngày 15/5/2024 về việc Ban hành Quy chế về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin
VND	Đồng tiền Việt Nam đồng

đ

CÔNG TY CP KINH DOANH THAN MIỀN BẮC- VINACOMIN
CÔNG TY KINH DOANH THAN THANH HÓA

BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Bên mời thầu: Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa

Tên gói thầu: Mua bột để che than của Công ty KD than Thanh Hóa
(lần 1 năm 2024).

Phát hành ngày: 16/08/2024

Ban hành kèm theo Quyết định số: 558/QĐ-TTH ngày 15/08/2024

Bên mời thầu
Q.Giám đốc



Đỗ Cao Quảng

THANH HÓA-THÁNG 08/2024

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu là: Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa (TTH) mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh gói thầu được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói thầu.

Địa chỉ: Số 75 Quang Trung, phường Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Email: phonglkhkd.tth@gmail.com

2. Bên mời thầu mời nhà thầu tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn (nộp Báo giá) gói thầu: Mua bột để che than của Công ty KD than Thanh Hóa (lần 1 năm 2024). Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của Bản yêu cầu báo giá này.

3. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty kinh doanh Than Thanh Hóa và phân bổ 06 tháng kể từ ngày đưa vào sử dụng

4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Mục 2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của nhà cung cấp

1. Nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp.
- b) Hạch toán tài chính độc lập.
- c) Không đang trong quá trình giải thể, không bị lâm trong tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả, theo quy định của pháp luật;
- d) Không có cổ phần hoặc góp vốn trên 20% với nhà cung cấp khác cùng tham gia chào giá cạnh tranh.

2. Nhà cung cấp là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.
- b) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- c) Có đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- d) Có đơn chào giá theo mẫu số 01 được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) được gửi đến Công ty kinh doanh than Thanh Hóa theo đúng thời hạn của Báo giá.
- e) Có bản gốc Báo giá kèm theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền (bản sao)
- f) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên chào giá;
- g) Thời hạn hiệu lực của Báo giá đáp ứng theo bản yêu cầu báo giá.

Nhà cung cấp có Báo giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực.

Mục 3. Đơn chào giá, giá chào và biểu giá

1. Nhà cung cấp phải nộp đơn chào giá và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a (1,2,3) tại Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm hàng hóa, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu chào giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói mua sắm hàng hóa trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu chào giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của nhà thầu sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 02 (bao gồm Mẫu: 02a; 02b) Chương III;
3. Cam kết thực hiện gói thầu theo Mẫu 03 (2) Chương III;
4. Các nội dung cần thiết khác _____ [Ghi tên các thành phần cần thiết khác (nếu có)].

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian có hiệu lực của Báo giá tối thiểu là 20 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Báo giá **14 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 08 năm 2024.**

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà thầu phải nộp báo giá trực tiếp hoặc qua đường bưu điện bằng phong bì kín có niêm phong theo cách của nhà thầu (*Ngoài phong bì ghi rõ: Báo giá, gói mua sắm Mua bột để che than của Công ty KD than Thanh Hóa (lần 1 năm 2024)*), gửi về địa chỉ tiếp nhận Báo giá: Phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty Kinh doanh than Thanh Hóa, Địa chỉ: số 75 Quang Trung, p.Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa; Email: phongkhkd.tth@gmail.com; không muộn hơn **14 giờ 00 phút, ngày 22 tháng 8 năm 2023**. Các bản Báo giá được gửi đến bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

2. Bên mời Báo giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong bản Báo giá của từng nhà cung cấp. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp Báo giá, bên mời Báo giá lập bên bản tiếp nhận các Báo giá. Trong vòng 2h bên Mời Báo giá lập biên

bản mở Báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của bản Báo giá và biên bản tiếp này đến các nhà cung cấp đã nộp báo giá.

3. Bên mời Báo giá so sánh các bản chào giá theo bản yêu cầu Báo giá. Trong quá trình đánh giá các bản chào giá, bên mời chào giá có thể mời nhà cung cấp có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng Báo giá

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng báo giá khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói mua sắm hàng hóa được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự Báo giá theo đường bưu điện hoặc fax hoặc được đăng tải trên Website: <http://thanmienbac.vn> của Công ty Cổ phần kinh doanh than Miền Bắc, hoặc đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng khác.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu có nhà cung cấp không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 03 ngày làm việc, bên mời Báo giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 9. Bảo đảm dự thầu: (không áp dụng)

Mục 10. Giải quyết kiến nghị

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng khi tham gia chào giá theo quy định của hồ sơ mời Báo giá.

Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của bên mời Báo giá là: Giám đốc Công ty kinh doanh than Thanh Hóa.

- Địa chỉ: số 75 Quang Trung, p.Ngọc Trạo, thành phố Thanh Hóa

2. Xử lý vi phạm : Trường hợp nhà cung cấp có các hành vi, vi phạm về chào giá cạnh tranh thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định của hồ sơ mời chào giá và Quy chế lựa chọn Nhà cung cấp, hàng hóa, sản phẩm dịch vụ không thuộc dự án đầu tư ban hành theo Quyết định số Quyết định số 1369/QĐ-TMB ngày 15/5/2024 về việc Ban hành Quy chế về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin và các quy định pháp luật khác liên quan.

Chương II. PHẠM VI CUNG CẤP, YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ(TCG)

Mục 1: Yêu cầu cung cấp hàng hóa

1. Phạm vi cung cấp

Nhà cung cấp phải cung cấp hàng hóa theo đúng chủng loại, số lượng nêu tại bảng sau trong theo từng đợt nhập hàng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng(m ²)
1	Bạt hai mặt xanh cam	(m ²)	26.000

Khối lượng nêu trên là khối lượng thực tính để thực hiện gói mua sắm hàng hóa này. Từng đợt thực hiện theo yêu cầu sản xuất của bên mời Báo giá.

2. Thời gian và tiến độ cung cấp:

Từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 13 tháng 9 năm 2024.

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng phục vụ sản xuất, hàng tuần, hàng tháng (nếu cần) chủ đầu tư sẽ có thông báo cụ thể cho đơn vị cung cấp về chủng loại, khối lượng và thời gian nhập hàng.

3. Yêu cầu kỹ thuật:

Yêu cầu chất lượng đối với Bạt nhựa che than đảm bảo tiêu chuẩn như sau:

TT	Tiêu chuẩn chất lượng	Bạt nhựa
1	Bạt nhựa hai mặt xanh cam 02 lớp	≤ 15 mm
2	Định lượng (gr/m ²)	170
3	Chất liệu	Nhựa PE, HDPE

Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá Báo giá

I. Tư cách hợp lệ của Báo giá

1.1. Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây.

- Kiểm tra số lượng gốc (01 bản) và bản chụp Báo giá (02 bản);
- Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Báo giá.
- Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền (bản sao công chứng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).
- Hạch toán tài chính độc lập;
- Không đang trong quá trình giải thể, không bị lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
- Không có cổ phần hoặc góp vốn trên 20% với nhà cung cấp khác cùng tham gia chào giá cạnh tranh.

1.2. Nhà cung cấp là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện

sau:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật;
- b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;
- c) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- d) Có đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- e) Báo giá gồm: bản gốc (01 bản), bản chụp (02);
- f) Có đơn chào giá theo mẫu số 01 được đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) được gửi đến Công ty kinh doanh than Thanh Hóa theo đúng thời hạn của Báo giá.
- g) Giá chào ghi trong đơn Báo giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên Báo giá;
- h) Thời hạn hiệu lực của Báo giá đáp ứng theo yêu cầu của Bản yêu cầu báo giá.

1.3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí Đạt/Không đạt, bản chào giá được đánh giá là “Đạt” khi các tiêu chí kỹ thuật được đánh giá là “Đạt”.

1.4. Xác định giá chào: Cách xác định giá chào theo các bước sau đây:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Xác định giá chào sau giảm giá (nếu có) có giá thấp nhất.

1.5. Lựa chọn nhà cung cấp:

Bản Báo giá của Nhà cung cấp đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bản yêu cầu Báo giá sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giảm giá (nếu có), không vượt giá gói mua sắm được đề nghị lựa chọn.

Mục 3: Yêu cầu khác và hình thức thanh toán.

a-Hồ sơ Báo giá: Gồm 1 bộ chính, 2 bộ phô tô được đóng thành quyển, số trang thứ tự. Có đầy đủ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư được cấp phép theo quy định của pháp luật, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (bản sao).

b- Trong Báo giá phải ghi đầy đủ thông tin: Tên, địa chỉ, số điện thoại, của nhà cung cấp. Ngoài bì ghi rõ: *Báo giá, gói mua sắm Mua bột để che than của Công ty KD than Thanh Hóa (lần 1 năm 2024)*

Đơn chào giá (Mẫu số 01)

Bảng tổng hợp giá chào (Mẫu số 02a)

Bảng giá chào của hàng hóa (Mẫu số 02b)

Cam kết thực hiện gói thầu mua sắm (Mẫu số 03).

c- Yêu cầu về chào giá:

Giá chào: Là giá thực hiện giao hàng tại kho bãi Công ty kinh doanh than Thanh Hóa (đơn giá chi tiết đã bao gồm các loại thuế, phí).

Thời gian thực hiện trong đơn chào giá phải đáp ứng các yêu cầu nêu trong Bản yêu cầu Báo giá.

Giá chào ghi trong đơn chào giá cụ thể cố định bằng số, bằng chữ. không đề xuất các giá chào khác nhau, có kèm theo điều kiện bất lợi cho bên mời chào giá

Đồng tiền trong bảng chào: Đồng tiền Việt Nam (VND)

d- Hình thức thanh toán: Thanh toán tiền mua hàng cho Bên bán bằng chuyển khoản qua ngân hàng chậm nhất 30 ngày kể từ khi có đầy đủ biên bản đối chiếu giao nhận hàng, hóa đơn GTGT và các giấy tờ thanh toán khác theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói mua sắm hàng hóa : _____ [Ghi tên gói mua sắm theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: Công ty kinh doanh than Thanh Hóa

Sau khi nghiên cứu thư yêu cầu chào giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói mua sắm hàng hóa: _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một chào giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Nếu bản chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO
(áp dụng đối với gói mua sắm hàng hóa)

STT	Nội dung	Giá chào
1	Mua bột để che than của Công ty KD than Thanh Hóa (lần 1 năm 2024)	
Tổng cộng giá chào (Kết chuyển sang đơn chào hàng)		

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

1	2	3	4	5	6
STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng mời chào giá	Đơn giá đã bao gồm VAT	Thành tiền (Cột 4x6)
1	Bạt hai mặt xanh cam	m ²	26.000		
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá chào)</i>					

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4) Bên mời chào giá ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại Chương II – Phạm vi, yêu cầu của gói mua sắm.

Các cột (5), (6) do nhà cung cấp chào.

Đơn giá tại cột (5) bao gồm các chi phí cần thiết để cung cấp hàng hoá theo yêu cầu của bên mời chào giá, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có) và không bao gồm các chi phí của dịch vụ liên quan tại Mẫu số 03a(2). Khi tham gia chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm trước ngày có thời điểm hết hạn nộp báo giá theo quy định.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói mua sắm hàng hóa: Mua bạt để che than của Công ty KD than Thanh Hóa (lần 1 năm 2024)

Kính gửi: Công ty kinh doanh than Thanh Hoas.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ chào giá, văn bản sửa đổi hồ sơ chào giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm Bản yêu cầu báo giá do Công ty kinh doanh than Thanh Hóa phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà thầu], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của Bản yêu cầu báo giá.

Chúng tôi cam kết cung cấp đủ khối lượng bạt nhựa che than đảm bảo theo Yêu cầu báo giá cụ thể như sau:

TT	Tiêu chuẩn chất lượng	Bạt nhựa
1	Bạt nhựa hai mặt xanh cam	≤ 15 mm
2	Định lượng (gr/m ²)	$\div 170$
3	Chất liệu	Nhựa PE, HDPE

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này./.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

Hợp đồng số: _____
Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

- Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____ về việc phê duyệt lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của bên mời thầu;

- Xét Biên bản thương thảo hợp đồng ngày _____

Căn cứ năng lực và nhu cầu của các bên.

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu [Ghi tên nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Hồ sơ Báo giá và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu Báo giá và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa và dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [*Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ*].
2. Khối lượng thanh toán:...
3. Phương thức thanh toán:
 - a) Hình thức thanh toán ____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...*].
 - b) Thời hạn thanh toán ____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh toán phù hợp với quy định của pháp luật*].
 - c) Số lần thanh toán ____ [*Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng*].

Điều 6. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [*Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu của Bản yêu cầu báo giá và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

Điều 8. Hàng hóa

Nhà thầu phải đảm bảo tất cả hàng hóa sử dụng phải đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra hàng hóa tại nơi giao hàng, nơi sản xuất vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà thầu phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, hàng hóa nêu trên.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Rủi ro và Bất khả kháng

1. Rủi ro và bất khả kháng

a) Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng.

b) Không bên nào chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên kia, khi không thể hoàn thành toàn bộ hay một phần trách nhiệm của mình, hay bị ngăn cản hoặc trì hoãn trong việc thực hiện nghĩa vụ vì lý do Bất khả kháng như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.

c) Khi một bên bị rơi vào tình trạng bất khả kháng, thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất có thể.

2. Hậu quả của các rủi ro

Nếu và trong chừng mực nào đó mọi rủi ro được liệt kê trong khoản 1 điều 10 của Hợp đồng này dẫn đến mất mát hay hư hỏng cho vật tư thiết bị hay các tài liệu của Bên B, thì Bên B phải ngay lập tức gửi thông báo cho Bên A và sửa chữa sự mất mát và hư hỏng trong phạm vi Bên A yêu cầu.

3. Bên B gặp bất khả kháng sẽ phải tiếp tục thực hiện trách nhiệm hợp đồng của mình khi bất khả kháng kết thúc.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: Tòa án hoặc trọng tài kinh tế hợp pháp tại Thanh Hóa.

Điều 12. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ __[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Sau __ ngày kể từ ngày hợp đồng hết hiệu lực, nếu hai bên không có tranh chấp hoặc thỏa thuận khác thì coi như hợp đồng được thanh lý mà không cần lập thành văn bản.

Hợp đồng được lập thành __ bộ, chủ đầu tư giữ __ bộ, nhà thầu giữ __ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP BÊN A

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA BÊN B

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)

[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSYCBG và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu HSYCBG này]

